

NGÔN NGỮ

TẠP CHÍ CỦA
HỘI NGÔN NGỮ HỌC VIỆT NAM
SỐ 11A (318) 2021

ISSN 0868 - 3409

& đời sống

JOURNAL OF LANGUAGE AND LIFE
LINGUISTIC SOCIETY OF VIETNAM

ISSN 0868 - 3409

11A (318)
2021

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VĂN CHƯƠNG

QUAN NIỆM TRIẾT LÝ VỀ CON NGƯỜI VÀ CUỘC ĐỜI QUA THAM THOẠI CHỨA HÀNH ĐỘNG NHẬN XÉT TRONG LỜI THOẠI NHÂN VẬT CỦA TIỂU THUYẾT MA VĂN KHÁNG

ĐẶNG THỊ THU*

TÓM TẮT: Từ đặc điểm ngôn ngữ hội thoại trong tác phẩm nghệ thuật, bài viết chỉ ra ngữ nghĩa quan niệm triết lý về con người và cuộc đời qua tham thoại chứa hành động nhận xét trong lời thoại nhân vật của tiểu thuyết Ma Văn Kháng. Đó là triết lý nhân sinh đầy trăn trở về con người, về lẽ sống tốt đẹp, cao thượng trong cái phức tạp, đa chiều của cuộc sống hiện tại. Đó là triết lý về cuộc đời: ngắn ngủi, phức tạp, không đơn giản. Qua đó nhà văn Ma Văn Kháng cho thấy sự vận động của tâm linh, giúp con người có thêm niềm tin vào cuộc sống và tương lai. Con người có cái nhìn hướng thiện trở nên đẹp đẽ hơn, cao quý hơn.

TỪ KHÓA: quan niệm triết lý; con người; cuộc đời; tham thoại; lời thoại.

NHẬN BÀI: 28/7/2021.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 7/11/2021

1. Đặt vấn đề

Chúng tôi nhận thấy, con người và cuộc đời là nhóm ngữ nghĩa tiêu biểu, chiếm số lượng lớn trong các tham thoại của nhân vật Sp1 nói với Sp2 có chứa hành động nhận xét. Trường hợp tham thoại chỉ một hành động nhận xét, thì ngữ nghĩa được xét trong phạm vi phát ngôn (tương đương đơn vị câu trong cấu trúc). Trường hợp tham thoại có nhiều hành động ngôn ngữ, trong đó có: (1) hành động nhận xét (chủ hướng) và các hành động phụ thuộc đi kèm; (2) một + một số hành động khác (chủ hướng), hành động nhận xét (phụ thuộc) thì với dạng này, ngữ nghĩa được xét trong phạm vi đoạn thoại, cuộc thoại. Chính vì vậy, chúng tôi xét ngữ nghĩa về triết lý về con người và cuộc đời không chỉ trên trục tuyến tính mà cả trên trục lựa chọn - phát ngôn, đoạn thoại, cuộc thoại gắn với đích giao tiếp.

Ngữ liệu khảo sát là 5 cuốn tiểu thuyết của Ma Văn Kháng: 1.034 lời thoại có chứa hành động nhận xét.

2. Quan niệm triết lý về con người và cuộc đời qua tham thoại chứa hành động nhận xét trong lời thoại nhân vật của tiểu thuyết Ma Văn Kháng

Dựa vào nội dung ngữ nghĩa của 1.034 tham thoại đã khảo sát, chúng tôi chia thành 3 tiểu nhóm được xếp theo thứ tự từ cao đến thấp, gồm: 1) ngữ nghĩa đề cập đến vấn đề con người và cuộc đời có số lượng là 806 tham thoại, tỉ lệ 78%; 2) ngữ nghĩa đề cập đến đất nước, dân tộc, xã hội, số lượng 146 tham thoại, tỉ lệ 14%; 3) ngữ nghĩa đề cập đến thiên nhiên, số lượng 82 tham thoại, tỉ lệ 8%.

Nhóm ngữ nghĩa đề cập đến con người có số lượng cao nhất qua tham thoại chứa hành động nhận xét trong lời thoại nhân vật của tiểu thuyết Ma Văn Kháng, trong đó, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến nhóm ngữ nghĩa đề cập đến quan niệm triết lý về con người và cuộc đời.

2.1. Con người - Thế hệ tri thức

Con người được đề cập đến qua lời thoại nhân vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng trước hết là con người - Thế hệ tri thức. Đó là con người với cuộc sống muôn màu, muôn vẻ, đa dạng, phức tạp với những nổi vất vả và thiếu thốn đè nặng lên đôi vai của người tri thức.

(1) *Thời buổi này, tiến sĩ giáo sư thì cũng phải ngày hai bữa lo ăn, sinh viên thì có đũa bạc mặt vì chạy việc. Học mà làm gì! Cái lão Đông nhà tớ thì việc gì cũng chàng màng, chẳng sốt sáng gì hết. Mà cậu này. Kể cả ông cụ. Chưa thấy cái nhà nào cổ hủ như cái nhà này. Chỉ thích đạo lý, sách vở... Thế thì suốt đời đời nghèo là phải. (III, tr.70).*

* TS; Trường Đại học Vinh; Email: thudangdhv@gmail.com

Ở ví dụ (1), vai nói đã đưa ra nhận xét về thực trạng một thể hệ tri thức trong xã hội đương thời. Họ phải đối mặt với cuộc sống mưu sinh đầy khó khăn vất vả “*ngày hai bữa lo ăn*” thể hệ tri thức trẻ thì “*bạc mặt vì chạy việc*”. Từ đó vai nói đi đến một nhận xét về những người tri thức trong gia đình mình “*Chưa thấy cái nhà nào cổ hủ như cái nhà này. Chỉ thích đạo lý, sách vở... Thế thì suốt đời đời nghèo là phải*”. Qua lời thoại của nhân vật Lý ở ví dụ (1) đã phơi bày cuộc sống khốn đốn, đói nghèo, thiếu thốn, vất vả của các thể hệ tri thức trong xã hội.

Người tri thức được Ma Văn Kháng khắc họa với chiều sâu của sự khổ đau, đồng thời khẳng định những vẻ đẹp của một thể hệ tri thức đương thời. Đó là sự thức tỉnh ý thức cá nhân, bản lĩnh cá nhân của người tri thức, từ đó họ biết lựa chọn cho mình một con đường đi đúng đắn, tự khẳng định mình với những khát vọng lớn lao mà họ hằng đeo đuổi để vươn lên.

(2) Anh thấy bưng bực, khó chịu: *Buồn cười nhí. Sao bác lại đặt vấn đề như thế? Tôi làm việc ở cơ quan này là do sự cần thiết, là do tôi có nội dung công việc. Công việc tôi đang làm, sao tôi lại bỏ dở? Tôi chẳng chuyên đi đâu cả. Tôi ở lại không phải để đấu đá với Hưng đâu. Hưng mặc cả cách sống với anh Nam. Hưng ăn cắp tài liệu. Hưng xấu xa tồi tệ đến thế nào thì cũng không phải là mối quan tâm lớn nhất của tôi đâu. Việc ấy, phải có nhiều người cùng quan tâm giải quyết và so việc ấy với công việc tôi đang làm, nó cũng là nhẹ nhõm thôi - Nói thật với bác, đâu ai cản ngăn thế nào thì tôi cũng cứ đi Nguyên Lộc. Tôi sẽ tiếp tục công việc của tôi. Cũng như tôi sẽ vào Đảng. Tôi còn giữ lá đơn trong túi đây. Rồi một chi bộ Đảng khác, chẳng hạn thế, sẽ hiểu tôi.* (I, tr.305).

Ví dụ (2), cho chúng ta thấy, Trọng đã bản lĩnh tách mình không những không bị ảnh hưởng chi phối như ông Chánh mà còn vượt lên cái nhỏ nhen, tầm thường ấy. Lời thoại ở ví dụ (2) trong cuộc thoại với ông Chánh là một ví dụ điển hình. Anh đã nhận xét về con người Hưng trong mối quan hệ với bản thân mình *Hưng xấu xa tồi tệ đến thế nào thì cũng không phải là mối quan tâm lớn nhất của tôi đâu. Việc ấy, phải có nhiều người cùng quan tâm giải quyết và so việc ấy với công việc tôi đang làm, nó cũng là nhẹ nhõm thôi*. Từ đó anh luôn kiên định con đường mà mình đã lựa chọn. Đề tài chống mối giữ đề được Trọng dồn tâm lực thực hiện. Đây là một công việc lí thú, ý nghĩa nhưng vô cùng gian khó. Tuy vậy, người tri thức trẻ này không chịu đầu hàng dù có bị ngăn trở đến mức nào. Ở anh luôn cháy một niềm đam mê, một mong muốn được xả thân cho cuộc đời mà không chút tính toán đòi hỏi. Với một niềm tin mãnh liệt vào ngày mai: “*Đâu ai cản ngăn thế nào thì tôi cũng cứ đi Nguyên Lộc. Tôi sẽ tiếp tục công việc của tôi. Cũng như tôi sẽ vào Đảng. Tôi còn giữ lá đơn trong túi đây. Rồi một chi bộ Đảng khác, chẳng hạn thế, sẽ hiểu tôi*”.

Có thể thấy, nếu Nguyễn Khải khai thác một kiểu tri thức luôn sôi sảng, hào hứng để nhập cuộc, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài xây dựng kiểu nhân vật tri thức lạnh lùng thiên về lí trí, ít nhiều có phần tàn nhẫn thì nhân vật tri thức trong tiểu thuyết của nhà văn Ma Văn Kháng gắn liền với những vẻ đẹp lí tưởng với ý thức cá nhân mãnh liệt, có bản lĩnh và luôn chống trả quyết liệt bị kịch; một lối sống thanh cao và giàu lòng nhân ái; luôn khao khát được cống hiến, được hi sinh cho cuộc đời.

2.2. Quan niệm triết lí về con người

2.2.1. Triết lí nhân sinh đầy trần trụi

Lời thoại trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng còn là những dòng suy ngẫm về con người, hướng vào những vấn đề thế sự của cuộc sống nhân sinh thường nhật nơi đô thị hoặc những vùng quê đang đô thị hóa. Với quan niệm “*văn chương là chuyện đời thông qua việc đào bới bản thể ở chiều sâu tâm hồn*”, nhà văn đã để cho nhân vật của mình đưa ra những quan niệm nhân sinh đầy trần trụi và suy ngẫm, triết lí.

(3) Theo tôi, - Luận dẫn mạnh, - *đó là vì bản chất con người là một sinh thể tự nhiên, con người có nguồn gốc động vật, nhưng là một sinh thể tự nhiên tính người. Ta vừa phải thỏa mãn nhu cầu con và nhu cầu người của con người. Nhưng thỏa mãn nhu cầu con là để phát triển nhân cách người./ Cuộc cách mạng của chúng ta không gì khác hơn là làm cho con người sống sung sướng về vật chất và cao đẹp về tâm hồn. Ngoài ra, trong con người nếu có phần thần thánh, cao diệu nữa, thì cũng*

cần được cuộc sống giữ gìn, vun đắp. (III, tr.334).

Nhà báo Luận trong ví dụ (3) đã có cái nhìn về con người bằng những triết lý sâu xa, tinh tế. Anh sự phân tích sâu sắc về bản chất con người: *bản chất con người là một sinh thể tự nhiên, con người người Ta vừa phải thỏa mãn nhu cầu con và nhu cầu người của con người. Nhưng thỏa mãn nhu cầu con là để phát triển nhân cách người; Mỗi quan hệ biện chứng giữa con người với những giá trị tốt đẹp của dân tộc, của đời sống xã hội: Cuộc cách mạng của chúng ta không gì khác hơn là làm cho con người sống sung sướng về vật chất và cao đẹp về tâm hồn và phần thần thánh, cao diệu nữa, thì cũng cần được cuộc sống giữ gìn, vun đắp.*

2.2.2. *Khẳng định, hướng đến triết lý nhân sinh quan về lẽ sống tốt đẹp, cao thượng*

Cuộc sống đô thị đang ở vào thời điểm mà xu thế đề cao thực dụng trong hưởng thụ, mọi giá trị tinh thần chân chính đang bị đảo lộn. Một bộ phận xã hội đang bị xuống cấp và sống theo quan niệm như Kĩ sư Hưng:

(4) Hưng hơi nghiêng rằng: - *Tôi bảo rằng... con người ta, anh quái nào chẳng vụ lợi, không ít thì nhiều. Và nói chung, ai cũng vì mình cả thôi!* (I, tr.105).

Chính lòng tham vô đáy của một số người lẩn át cả lí trí và lương tâm đã tạo dựng vị trí cho kĩ sư Hưng - trường phòng với “năng lực có hạn, chỉ giỏi biến báo ứng phó, thích nghi”. Với một quan niệm sống ích kỉ, vụ lợi *con người ta, anh quái nào chẳng vụ lợi... và ai cũng vì mình cả thôi.* Từ quan niệm đó Hưng cùng với quyền trường phòng đã tồ tệt và nhẫn tâm o ép Trọng từ nhiều phía, ngăn cản mọi dự định lớn lao, cao cả của anh và đẩy anh tới chỗ chết vì lòng yêu công việc của mình.

Qua những cuộc đối thoại mang tính triết lý sắc cạnh và gay gắt của các nhân vật trong tiểu thuyết của nhà văn Ma Văn Kháng, ta bắt gặp hai quan điểm khác nhau, thậm chí đối lập nhau về con người. Nhưng cuối cùng, ông vẫn hướng đến phát hiện, ca ngợi vẻ đẹp của con người.

(5) *Cháu thấy, đã là con người thì không thể sống bô bác, tùy tiện. Đã là con người thì ít nhất cũng phải có cái gì để tôn thờ chứ.* (I, tr.50)

Qua cuộc đối thoại, tranh luận với họa sĩ Hào, kĩ sư Trọng đã đưa ra những quan điểm của mình với quan điểm triết lý về cái đẹp, cái thiêng liêng của con người: *Đã là con người thì phải có gì để tôn thờ* trong ví dụ (5); con người không tham lam, không ích kỉ mà phải biết hi sinh *biết sống về cộng đồng dân tộc, con người không vô trách nhiệm, bỏ chạy.*

Không chỉ phát hiện ca ngợi vẻ đẹp của con người, trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng còn thấm đẫm một tinh thần lạc quan. Tinh thần ấy có cơ sở ở niềm tin của nhà văn vào ý thức, lí trí và tính năng động như là bản chất của sự sống con người.

(6) *Ngoạn liền đứng dậy và giọng ông trầm xuống, gần như băng quơ: - Cái đũa xấu ngày càng nham hiểm hơn, nhưng những con người chân chính cũng ngày càng thông minh hơn. Nước to thì dễ vũng. Chỉ có điều là đấu với bọn này mất thì giờ lắm và phải biết cách.* (I, tr.314).

Hiện thực về con người với những mặt xấu xa đang tồn tại trong xã hội là có thật nhưng thù trường Ngoạn trong ví dụ (6) vẫn có một niềm tin vững chắc khi phát hiện trong xã hội *nhưng những con người chân chính cũng ngày càng thông minh hơn.*

2.2.3. *Hướng đi đúng của con người trong cái phức tạp, đa chiều của cuộc sống hiện tại*

Ma Văn Kháng soi chiếu con người ở nhiều phương diện. Con người trong quan hệ xã hội và sự phát triển kinh tế tác động đến con người ở 2 vai: Gia đình và xã hội. Con người không chỉ có nghĩa vụ đối với đất nước mà còn được xem xét từ nghĩa vụ đối với gia đình, gia tộc, với mọi người xung quanh và với chính bản thân mình. Sau đây là tham thoại lời Luận nói với Đông:

(7) *Luận ngắt lời anh, giọng hơi bức: Không ai trẻ con, ngu dốt đến mức quy kết như thế! Anh tốt, nhưng anh chưa đủ những đức tính cần thiết. Cuộc sống phức tạp. Nhưng phải sống thực sự với nó, phải có trách nhiệm với nó, vì nó. Nói cụ thể là phải có trách nhiệm với cả từng con người. Càng ngày*

mỗi cá thể càng nổi lên, có vị trí quan trọng vô cùng trong cuộc sống, nó đòi hỏi ta phải chăm sóc, nhất là bây giờ khi những yếu tố làm tha hoá nó còn có trong cuộc sống. (III, tr.302).

Trong cuộc tranh luận với Đông, Luận (Sp1) đã đưa ra nhận xét khách quan, chân thực về người anh trai cả của mình. *Anh tốt, nhưng anh chưa đủ những đức tính cần thiết.* Trong chiến tranh, Đông là một người lính vào sinh ra tử, nghĩa vụ với đất nước anh đã hoàn thành. Nhưng trong thời bình, anh nhìn cuộc sống đơn giản, suốt ngày tham gia vào những thú vui tiêu khiển như tô tô mà quên đi nghĩa vụ đối với gia đình của mình: nghĩa vụ của người con trưởng, nghĩa vụ của người chồng, người cha. Anh đã quên rằng trong gia đình nhỏ của mình có một người vợ xinh đẹp với rất nhiều khao khát, nhiều ham muốn vật chất và tinh thần. Chính anh đã sống thiếu trách nhiệm với gia đình, với vợ con và với cả chính bản thân mình để cuối cùng gia đình nhỏ của anh rơi vào bi kịch. Qua ví dụ (7), Luận (Sp1) đã chỉ ra cho Đông về những thiếu sót, những hạn chế của anh trong cách sống, vai trò trách nhiệm của bản thân đối với mọi người xung quanh, đặc biệt trước cuộc sống xã hội đầy cảm dỗ.

2.2.4. *Cái tốt/ cái xấu trong mỗi con người không được phân biệt một cách rạch ròi.*

(8) *Nghĩ đến chị Lý anh muốn nói với em điều này. Chị Lý không khác chúng ta đâu. Chị cũng như chúng ta. Trong chúng ta, có cái xấu, có cái tốt. Cái xấu, biết nó là xấu, vậy mà cuối cùng nhiều người vẫn không tránh được. Ấy là vì dục vọng lại gặp những nhân tố kích thích từ bên ngoài, anh muốn nói cuộc sống đang đặt ra cho con người chúng ta sự lựa chọn gay gắt về cách sống của mỗi người. Sống bên nhau, anh muốn chúng ta phải giúp nhau trừ bỏ cái xấu tiềm ẩn trong mỗi người. Em có rõ ý anh không? Có lẽ chị Lý chỉ khác chúng ta ở mức độ, cường độ và sự điều chỉnh bản thân thôi.* (III, tr.307).

Qua cuộc thoại với Phượng, Luận trong ví dụ (8) đã đưa ra nhận xét đánh giá khách quan về những sai lầm của Lý: *Chị Lý không khác chúng ta đâu. Chị cũng như chúng ta.* Từ đó đi đến một hành động nhận xét khái quát về con người nói chung: *Trong chúng ta, có cái xấu, có cái tốt. Cái xấu, biết nó là xấu, vậy mà cuối cùng nhiều người vẫn không tránh được.* Đề lí giải cho nội dung vừa nêu, vai nói (Sp1) tiếp tục sử dụng hành động nhận xét phụ thuộc đóng vai trò như các luận cứ, gồm: +) dục vọng của con người; +) hoàn cảnh chi phối. Cuối cùng là nhận xét khái quát về con người của Lý: *“Có lẽ chị Lý chỉ khác chúng ta ở mức độ, cường độ và sự điều chỉnh bản thân thôi”.*

Tóm lại, với chất liệu hiện thực từ cuộc sống đời thường, Ma Văn Kháng đã quan tâm đến số phận con người ở chiều sâu nội tâm, ở những “chấn thương” tinh thần. Những vấn đề về đời tư với những phiền muộn đa đoan của cuộc đời, của con người, những suy ngẫm triết lí về nhân sinh đều được phản ánh qua những trang viết của nhà văn. Tuy nhiên từ những nỗi buồn nhân thế, nhà văn luôn hướng con người đến cái đẹp, cái tốt, cái cao cả, thánh thiện. Ông luôn có niềm tin mãnh liệt vào bản năng vô thức, tiềm thức, vùng tâm tối sâu thẳm trong thế giới tâm linh, nơi lưu giữ vĩnh hằng phần nhân tính tạo nên mặt trời sáng nhất, tốt đẹp nhất của con người. Niềm tin và tinh thần lạc quan ấy thấm đượm trong lời thoại của nhân vật.

2.3. *Quan niệm triết lí về cuộc đời*

Bên cạnh ngữ nghĩa thể hiện triết lí về con người, chúng ta còn nhận thấy nhóm ngữ nghĩa thể hiện quan niệm triết lí về cuộc đời, cuộc sống. Bước vào nền kinh tế thị trường, xã hội Việt Nam có sự chuyển biến mạnh mẽ, đặc biệt là cuộc sống thành thị. Những vấn đề về cuộc đời, cuộc sống, số phận con người là những trần trụi của tác giả trong tiểu thuyết của mình, đó cũng chính là những day dứt của nhân vật. Ma Văn Kháng “trước sau vẫn là con người của thế sự hôm nay”. Những vấn đề về cuộc đời, cuộc sống con người, số phận con người, được các nhân vật bàn luận, tranh cãi một cách gay gắt, những nội dung được toát lên, cụ thể như sau:

+ *Cuộc sống, cuộc đời phức tạp, không đơn giản mà vô cùng nặng nhọc*

(9) Đông chép miệng: *Cuộc sống phức tạp lắm chứ không đơn giản đâu.* (III, tr.333)

Vốn là con người xem mọi sự đều đơn giản, cuộc đời chẳng có gì là phức tạp nhưng chính sự trải nghiệm của cuộc đời mình, nhân vật Đông đã đưa ra một nhận xét về cuộc sống *“Cuộc sống phức tạp lắm chứ không đơn giản đâu”.* Điều này một lần nữa được nhà báo Luận khẳng định qua ví dụ sau:

(10) Luận châm lại điều thuốc, rít một hơi: *Cuộc sống thật hết sức phức tạp. Mỗi gia đình, mỗi con người thật không đơn giản.*

Cuộc đời không chỉ là phức tạp mà vô cùng tàn bạo và độc ác được nhân vật thể hiện qua lời thoại sau:

(11) Đốc bầu tâm sự xong, ông Thống kết luận: - *Thầy Tự ạ, cuộc đời nó có là mẹ hiền như người ta nói đâu. Nếu nó có là một người mẹ thì là một người mẹ bất học bất tri lí, một người mẹ ghê, thầy Tự ạ.* (IV, tr.527)

Ví dụ (11) là lời thoại của Bác Thống trong cuộc thoại với thầy giáo Tự. Lời thoại đã sử dụng hành động nhận xét có nội dung ngữ nghĩa đề cập đến cuộc đời với những sự xấu xa, độc ác, tàn bạo. Trong hành động nhận xét của mình, vai nói đã sử dụng hình ảnh người mẹ để so sánh với cuộc đời: Cuộc đời không phải là như người mẹ hiền mà là một người bất học, bất tri lí, một người mẹ ghê độc ác. Hiệu lực chê của hành động được thể hiện các hình ảnh: *mẹ hiền, mẹ bất học, bất tri lí, mẹ ghê.*

+ *Quan niệm triết lí về cuộc đời được xuất phát từ quan niệm của Phật giáo*

Quan niệm triết lí về cuộc đời được đặt ra qua lời thoại của nhân vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng đó là sự công bằng trong thế giới vô vi này.

(12) *Trời chẳng thiên vị ai đâu, cô ạ. Mắt tôi đã chứng kiến nhiều rồi. Rồi lại của thiên trả địa hết thôi.* (II, tr.42)

Vai nói ở ví dụ (12) thực hiện hành động nhận xét về cuộc đời *Trời chẳng thiên vị ai đâu* và *Rồi lại của thiên trả địa hết thôi*. Luật trời có nhân có quả, gieo nhân nào sẽ phải gặt quả ấy.

(13) *Cô Trinh văng cái chân tạt nguyên đi tới cái đầu máy: Làm người, đầu là ông nọ bà kia, đang lên như điều gặp gió, thì cũng phải biết sợ. Sợ trời! Sợ đất! Sợ người! Trấn người rồi bị người trấn lại đấy! Nước đầy cá ăn kiến. Nhưng nước cạn kiến lại ăn cá đấy, anh ạ.* (IV, tr.369)

Ví dụ (13), nhân vật Trinh đã đưa ra hành động nhận xét về quy luật của cuộc đời thông qua hình ảnh ẩn dụ cá và kiến *Trấn người rồi bị người trấn lại đấy! Nước đầy cá ăn kiến. Nhưng nước cạn kiến lại ăn cá đấy.*

Cuộc đời ngắn ngủi, sắc sắc, không không được xuất phát từ quan niệm của nhà Phật về sự hữu hạn của đời người trước cái vô hạn của thiên nhiên tạo vật.

(14) Giọng người phụ nữ cộn trong hơi thở dòn: - *Anh Thắng ạ. Ở quãng đê này, cái Lý, cái Hoà bạn em đã chết. Hôm ấy nước to, máy bay Mỹ tới ném bom, bọn học sinh cấp ba chúng em đang đắp đê. Cả anh Nhân, nhà em sau này, cũng có mặt ở đây. Đời người ngắn ngủi quá. Định làm một việc gì cho ra việc cũng khó đủ. Huống hồ lại không dám cả quyết mà không phải chỉ là thể. Lúc này cái gì cũng lung nhùng, trì trệ, không ai dám làm việc gì cho đến nơi đến chốn cả ư?* (I, tr.2).

Cũng đề cập đến cuộc đời, Thuận trong ví dụ (14) đã đưa ra nhận xét đầy suy ngẫm về cái hữu hạn của cuộc đời “*cuộc đời ngắn ngủi quá*” đối lập với ước mơ, hoài bão, dự định của con người, của tuổi trẻ với đầy khao khát được cống hiến “*định làm việc gì cho ra việc cũng khó đủ*”. Điều đó lại càng khó khăn hơn trong hoàn cảnh xã hội bấy giờ “*Lúc này cái gì cũng lung nhùng, trì trệ, không ai dám làm việc gì cho đến nơi đến chốn*”.

Chính quan niệm triết lí về cuộc đời, cuộc sống như trên, Ma Văn Kháng đã cho thấy sự vận động của tâm linh con người, giúp cho nhân vật có cái nhìn hướng thiện, giúp con người rũ bỏ những bon chen trong cuộc sống, không chỉ giúp con người trở nên đẹp đẽ hơn cao quý hơn mà luôn tin tưởng vào cuộc sống vào tương lai.

3. Kết luận

Ngữ nghĩa khái quát, bao trùm qua lời thoại nhận vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng chính là triết lí về nhân tình thế thái, những thói hư tật xấu, những dục vọng tầm thường của con người mà sự suy vi xuống cấp ấy trước hết được thể hiện trong gia đình do sự tác động của xã hội. Các mối quan hệ vợ chồng, cha con, anh chị em đều đi ngược lại với những giá trị truyền thống của dân tộc. Trong đó phải kể đến sự rạn nứt đổ vỡ trong quan hệ vợ chồng truyền thống, những thói hư tật xấu trong

thời kì “quá độ” được phơi bày, sự đổ vỡ của tình quan hệ thầy - trò truyền thống, sự đổ vỡ của đạo lí kính trọng người bậc trên, cao tuổi trong xã hội truyền thống; lên án sự thay đổi và nhận thức về giá trị đồng tiền.

Tóm lại, thông qua hành động nhận xét với nhóm ngữ nghĩa toát lên, bao trùm là triết lí nhân sinh về con người và cuộc đời. Những mối quan hệ ứng xử trong cuộc sống đã được tác giả phản ánh sinh động và hấp dẫn, thể hiện cách nhìn cuộc sống và con người đạt đến độ sâu sắc, chín muồi, đầy sự chiêm nghiệm đúc kết và sự trăn trở của một nhà văn có trách nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học* (Ngữ dụng học), tập 2, Nxb Giáo dục Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (1999), *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Đức Dân (2000), *Ngữ dụng học*, tập 1, Nxb Giáo dục.
4. Đỗ Thị Kim Liên (1999), *Ngữ nghĩa lời hội thoại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Dik Geeraerts (2004), *Các lí thuyết ngữ nghĩa học từ vựng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. (Phạm Văn Lam dịch).
6. Lê Quang Thiêm (2008), *Ngữ nghĩa học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1996), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

NGŨ LIỆU

Ma Văn Kháng

- I. (1982), *Mưa mùa hạ*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- II. (2003), *Mùa lá rụng trong vườn*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- III. (2003), *Đám cưới không có giấy giá thú*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- IV. (1989), *Côi cút giữa cảnh đời*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- V. (2010), *Một mình một ngựa*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.

Philosophical conceptions of humans and life through voice contains action comments in character voice of Ma Van Khang novice

Abstract: Due to varied reasons and in different times, the Chinese left their homeland migrating to Vietnam, especially to Ho Chi Minh City. Their linguistic situation has originally been complicated since they still lived in China mainland, there are official language used in education and administrative activities and daily-life language; to daily range, there is discrimination between standard dialect and regional dialects. Residing in new land, the ethnic Chinese group had their linguistic situation changed gradually. Chinese regional dialects disappeared, standard dialect had been becoming common in the halls, and dominated dialect had been the common language of the whole group regardless of geographic origin. Besides, they have to study official native language - Vietnamese and required foreign language course - English. These factors push deep impacts on the linguistic situation of Chinese ethnic group.

Key words: Conceptual philosophy; people; life; dialogues; speech.